

## Table of contents

|                                  |       |
|----------------------------------|-------|
| Product Manual .....             | 1-4   |
| 安裝指南 .....                       | 5-8   |
| Hướng dẫn sử dụng sản phẩm ..... | 9-12  |
| Buku Panduan .....               | 13-16 |
| Руководство по эксплуатации..... | 17-20 |
| دليل المنتج .....                | 21-24 |
| Produkt-handbuch.....            | 25-28 |
| Manuel du produit .....          | 29-32 |
| Manual del producto .....        | 33-36 |
| Ürün El Kitabı .....             | 37-40 |

# User Manual

## Preparing for Installation Package Contents~

### Package Contents

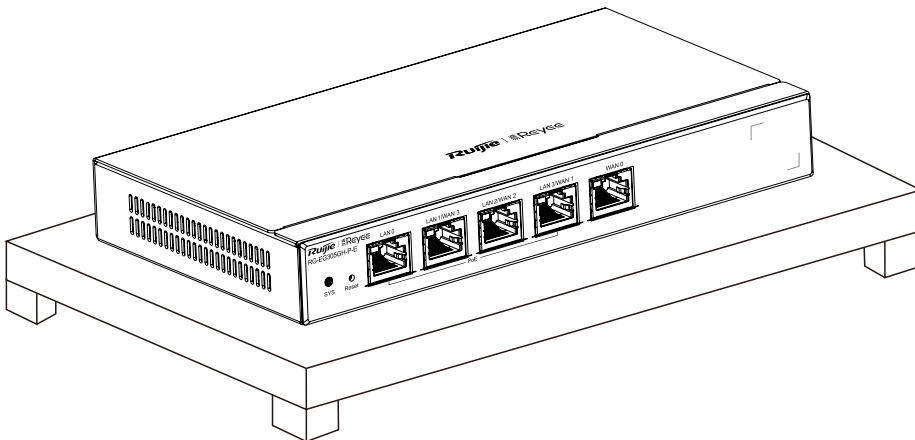
| Item          | Quantity | Remark |
|---------------|----------|--------|
| Router        | 1        |        |
| Foot pad      | 4        |        |
| Power adapter | 1        |        |
| Power cord    | 1        |        |
| User Manual   | 1        |        |
| Warranty Card | 1        |        |

Log in to the official website of Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) and enter the corresponding product category to find the product and download the related documentation.

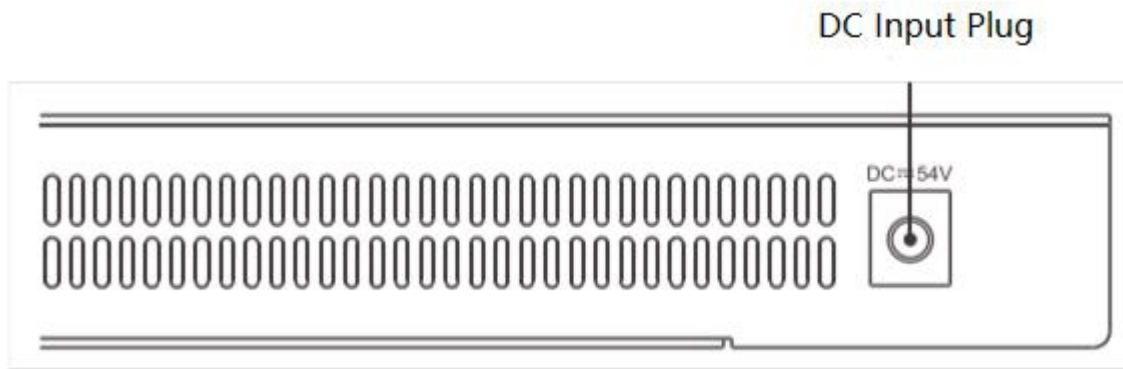
## Installation

### Installation Procedure

**Step 1** Lay the router flat on a workbench to ensure good ventilation.



**Step 2** Connect the adapter to the DC input plug.



## Network Configuration

### Method 1 (Recommended)

Scan the QR code on the device or in the manual to download the Ruijie Cloud App. Perform the intelligent networking and complete the network configuration based on the instructions on the App.

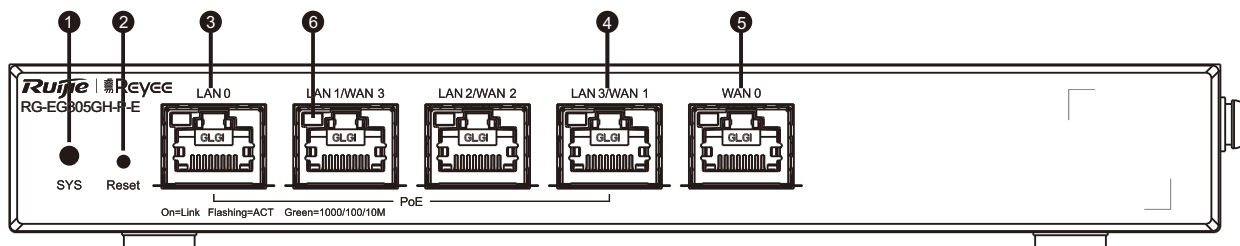


### Method 2

Connect the client to any LAN port of the device with a cable and visit <http://192.168.110.1> for network configuration. (Google Chrome browser is recommended.)

# Buttons and Ports

## Front Panel

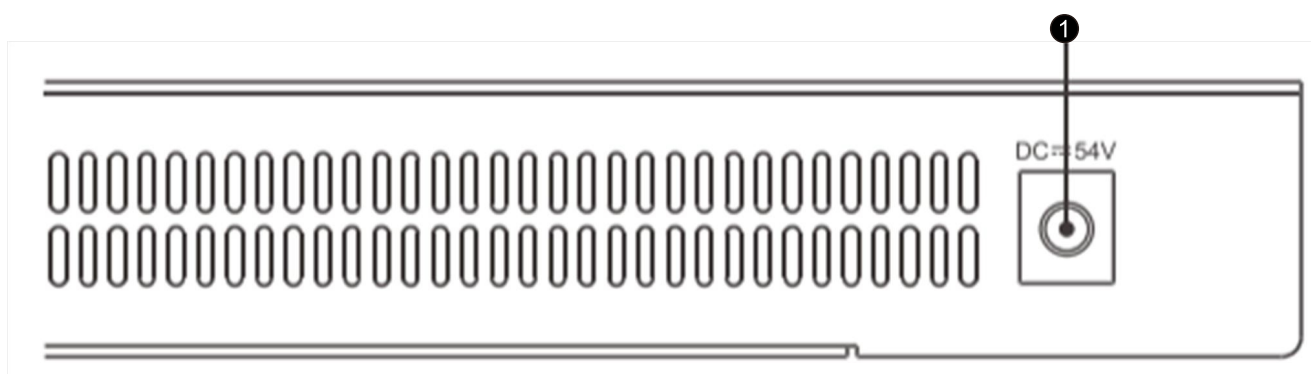


- |                      |                           |
|----------------------|---------------------------|
| 1. System Status LED | 4 LAN/WAN Switchable Port |
| 2. Reset Button      | 5. WAN Port               |
| 3. LAN Port          | 6. Link/ACT Port LED      |

|                   |   |
|-------------------|---|
| System Status LED | Fast blinking green: The router is starting up.<br>Solid green: The router is functioning properly.<br>Slow blinking green: 1. The router is restoring factory default settings. 2. The router is upgrading the software. |
|-------------------|---|

|              |   |
|--------------|---|
| Reset Button | Press for less than 2 seconds to reboot the router.<br>Press for more than 5 seconds until the system LED flashes to restore the router to factory default settings. (The device does not respond if you press the Reset button for 2s to 5s).<br>After the router is restored to factory default settings, the default management address is <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (No password by default). |
|--------------|---|

## Rear Panel



1. DC Input Plug

# Specifications

| Model                               |                       | RG-EG305GH-P-E   |
|-------------------------------------|-----------------------|--|
| Port Standards                      |                       | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Ports                               |                       | Five 10/100/1000Base-T ports, up to 4 WAN ports. (Default: 1 WAN port and 4 LAN ports. LAN 1, LAN 2 and LAN 3 can be switched to the WAN port.)  |
| PoE Power                           |                       | PoE output power ≤ 60 W  |
| Maximum Power Consumption           |                       | < 80 W   |
| Power Supply                        |                       | Adapter AC input:<br>Rated voltage range: 100 V AC to 240 V AC<br>Maximum voltage range: 90 V AC to 264 V AC<br>Frequency: 50 Hz/60 Hz<br>Rated current: 1.5 A   |
| Adapter DC Connector Specifications |                       | Outer diameter: 5.5 mm (0.22 in.)<br>Inner diameter: 2.1 mm (0.08 in.)<br>Depth: 10.0 mm (0.39 in.) ± 0.3 mm (0.01 in.)<br>Polarity symbol: the center (tip) of the output plug is positive (+) and the barrel (ring) of the output is negative (-). |
| Dimensions (W x D x H)              |                       | 202 mm x 109.5 mm x 28 mm (7.95 in. x 4.31 in. x 1.10 in., with the panel)<br>202 mm x 108 mm x 28 mm (7.95 in. x 4.25 in. x 1.10 in., without the panel)  |
| Operating Environment               | Operating Temperature | 0°C to 40°C (32°F to 104°F)  |
|                                     | Operating Humidity    | 10% to 90% RH (non-condensing)   |
| Storage Environment                 | Storage Temperature   | -40°C to 70°C (-40°F to 158°F)   |
|                                     | Storage Humidity      | 5% to 95% RH (non-condensing)  |

CE Warning: The device may cause radio interference in the living environment.

# 安裝指南

安裝準備

包裝配件

## 包裝配件清單

| 名稱     | 數量 | 備註 |
|--------|----|----|
| 主機     | 1  |    |
| 腳墊     | 4  |    |
| 電源變壓器  | 1  |    |
| 電源線    | 1  |    |
| 產品使用指南 | 1  |    |
| 保固手冊   | 1  |    |

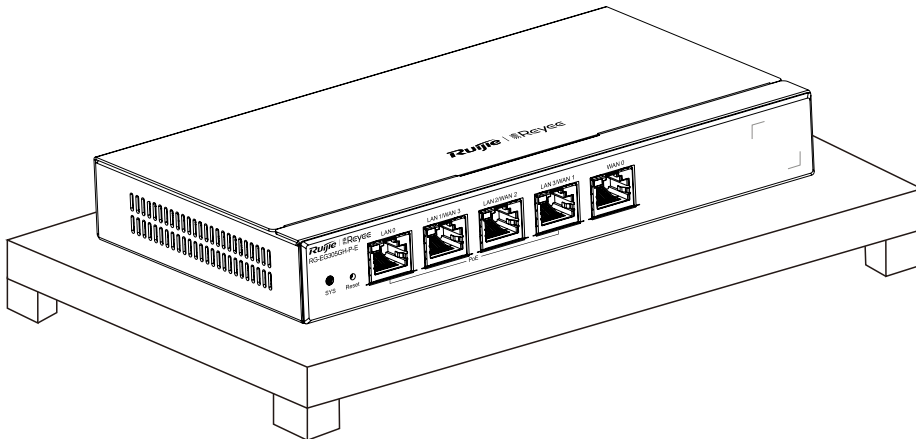
配套產品資料的獲取方法：瀏覽銳捷網絡官方網站

<https://www.ruijienetworks.com>，前往對應的產品類別找到該產品，即可下載產品配套的文件資料。

## 安裝及注意事項

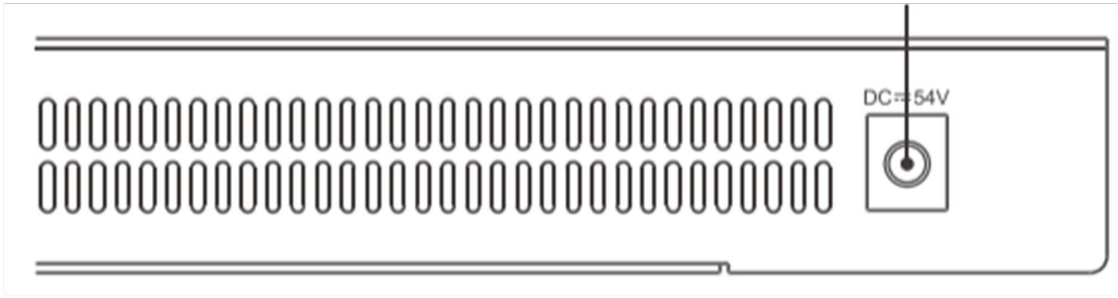
### 安裝說明

1. 將路由器平放在桌面上以確保四周通風良好，如下圖所示



## 2、參照下圖連接變壓器

電源線連接



## 網絡設定

### 方法 1（推薦）

掃描裝置或手冊上的 QR 碼以下載 Ruijie Cloud APP。按照 APP 中指引進行智能組網，快速完成網絡安裝。

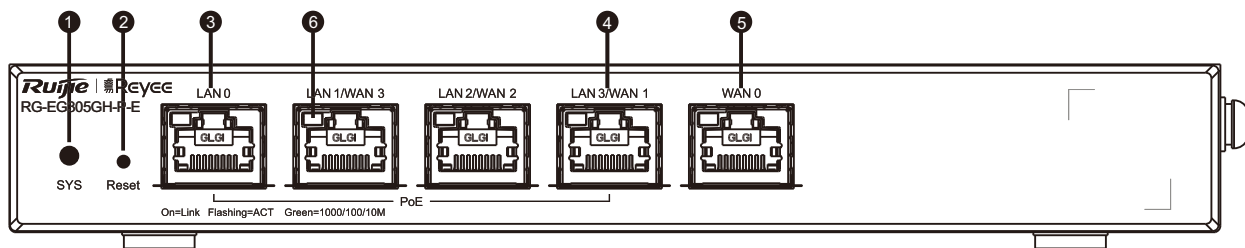


### 方法 2

將網絡線連接裝置任何一個 LAN 連接埠並存取 <http://192.168.110.1> 進行設定。  
（建議使用 Google Chrome）

# 連接埠資訊

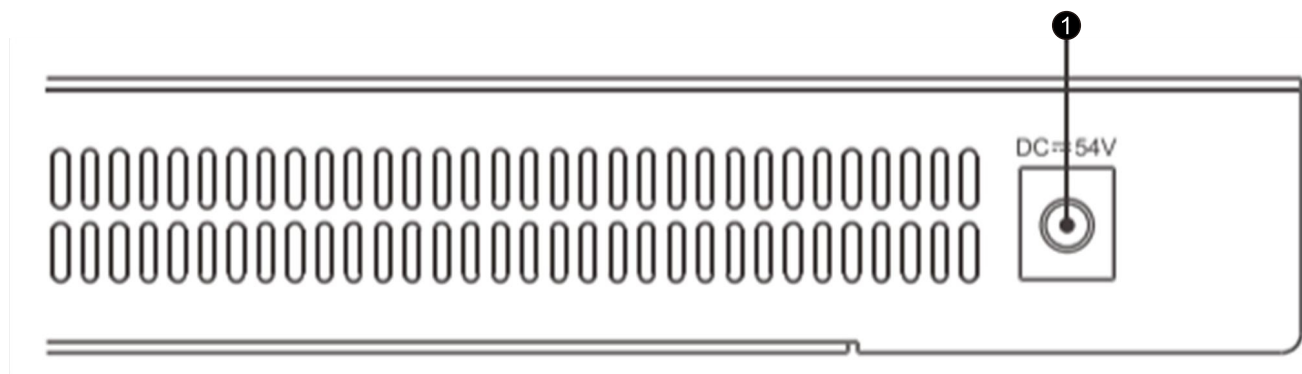
## 前面板



- 1. 系統狀態指示燈
- 2. 重設鍵
- 3. LAN 連接埠
- 4. LAN/WAN 可切換連接埠
- 5. WAN 連接埠
- 6. Link/ACT 電連接埠指示燈

|           |   |
|-----------|---|
| 系統狀態指示燈說明 | 綠燈快閃：路由器正在啟動<br>綠燈常亮：路由器啟動完成<br>綠燈慢閃：1. 恢復原廠設定；2. 版本升級  |
| 重設鍵說明     | 短按 2 秒以下，再放開按鈕，系統重新啟動；<br>短按 5 秒以上，直至系統指示燈閃爍後再放開按鈕，系統恢復原廠設定並重新啟動（2S~5S 之間沒有任何動作）。<br>恢復原廠設定後，預設管理地址為 <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> （預設沒有密碼） |

## 後面板



- 1. 電源輸入連接埠

繁體中文



# 產品規格

|                  |  |              |
|------------------|--|--------------|
| 型號               | RG-EG305GH-P-E   |              |
| 連接埠標準            | IEEE 802.3、IEEE 802.3u、IEEE 802.3x、IEEE 802.3z、IEEE 802.3af、IEEE 802.3at                                     |              |
| 連接埠              | 5 10/100/1000M Base-T 連接埠，支援最多 4 個 WAN 插槽<br>(預設：1 個 WAN 連接埠，4 個 LAN 連接埠。<br>LAN1, LAN2, LAN3 可以切換至 WAN 連接埠) |              |
| PoE 功率           | PoE 輸出功率≤60W   |              |
| 整部機器功耗           | <80W   |              |
| 電源               | 變壓器交流 (AC) 輸入：<br>額定電壓範圍：100-240VAC<br>最高電壓範圍：90-264VAC<br>頻率：50/60Hz<br>額定電流：1.5A                           |              |
| 變壓器 DC 插頭參數      | 外直徑：5.5mm<br>內直徑：2.1mm<br>深度：10.0±0.3mm<br>極性：內正外負   |              |
| 外形尺寸 (寬 x 深 x 高) | 202*109.5*28 (mm) (包括面板尺寸 1.5mm)   |              |
| 工作環境             | 工作溫度   | 0°C 至 40°C   |
|                  | 工作濕度   | 10% 至 90% RH |
| 儲存環境             | 儲存溫度   | -40°C 至 70°C |
|                  | 儲存濕度   | 5% 至 95% RH  |

**CE 警告：** 在住宅環境中使用本裝置可能會造成無線電干擾。

# Hướng dẫn sử dụng

Chuẩn bị lắp đặt  
Thành phần gói

## Thành phần gói

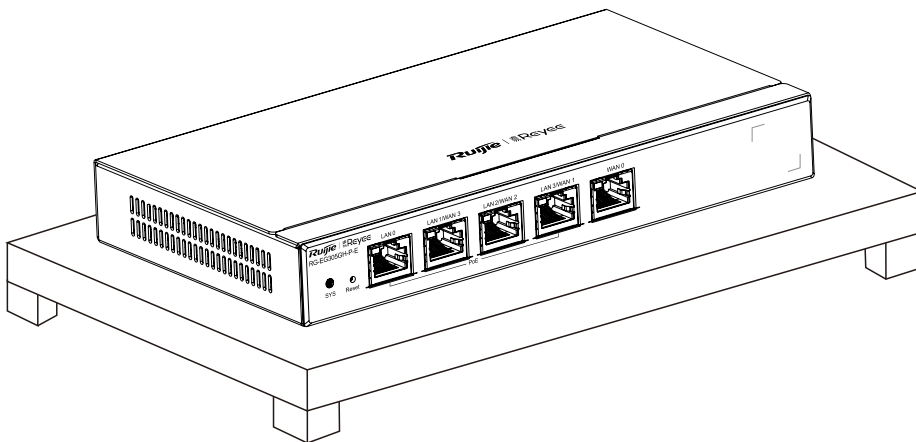
| Mục               | Số lượng | Chú thích |
|-------------------|----------|-----------|
| Bộ định tuyến     | 1        |           |
| Đệm chân đế       | 4        |           |
| Bộ nguồn          | 1        |           |
| Dây nguồn         | 1        |           |
| Hướng dẫn sử dụng | 1        |           |
| Thẻ bảo hành      | 1        |           |

Đăng nhập vào trang web chính thức của Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) và nhập danh mục sản phẩm tương ứng để tìm kiếm sản phẩm và tải xuống tài liệu liên quan.

## Lắp đặt

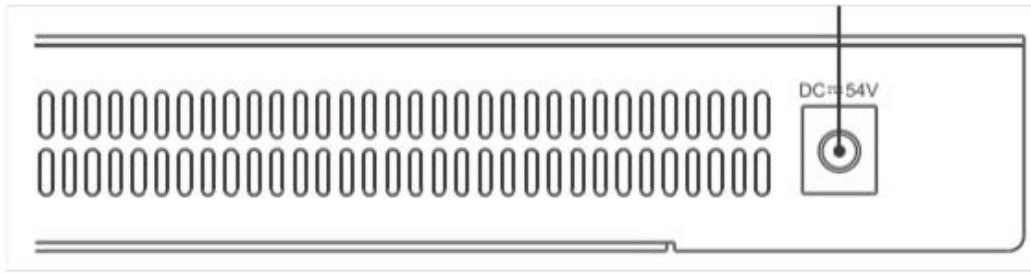
### Quy trình lắp đặt

**Bước 1** Đặt bộ định tuyến ngay ngắn trên bàn làm việc để đảm bảo thông gió tốt.



**Bước 2** Kết nối bộ nguồn với phích cắm đầu vào DC.

Phích cắm đầu vào DC



## Cấu hình mạng

### Phương pháp 1 (Khuyến nghị)

Quét mã QR trên thiết bị hoặc trong sách hướng dẫn sử dụng để tải xuống Ứng dụng Ruijie Cloud. Thực hiện kết nối mạng thông minh và hoàn tất cấu hình mạng theo hướng dẫn trên Ứng dụng.

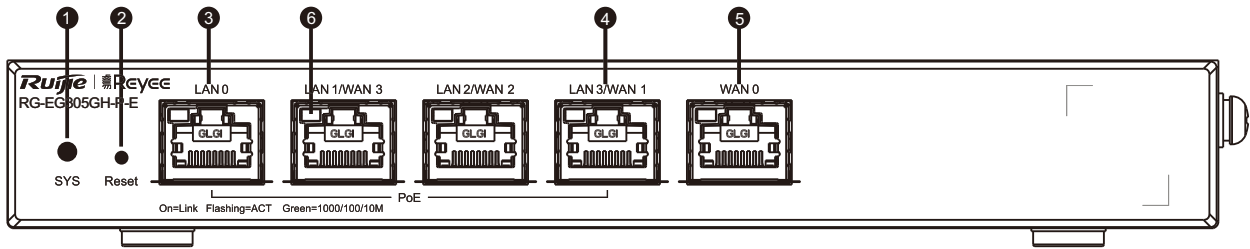


### Phương pháp 2

Kết nối máy khách với bất kỳ cổng LAN nào của thiết bị bằng dây cáp và truy cập <http://192.168.110.1> để biết thêm về cấu hình mạng. (Nên sử dụng trình duyệt Google Chrome.)

# Nút và cổng

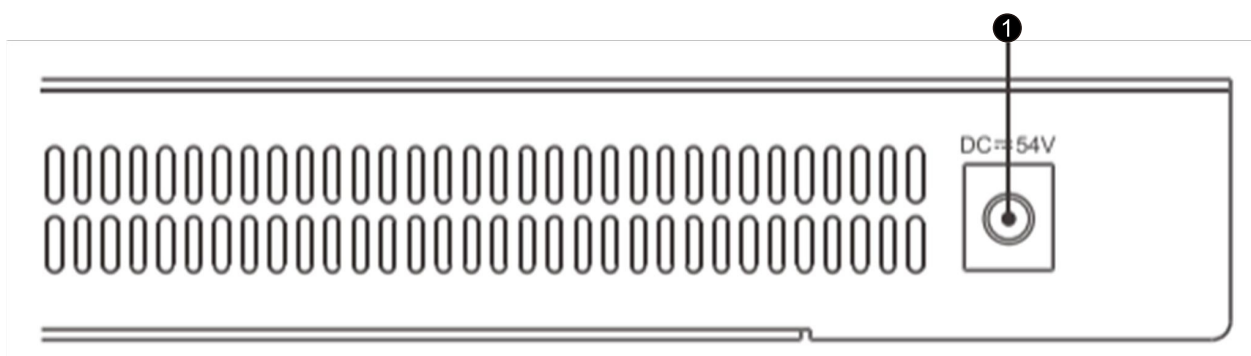
## Bảng điều khiển phía trước



- |                                |                              |
|--------------------------------|------------------------------|
| 1. Đèn LED trạng thái hệ thống | 4 cổng chuyển đổi LAN/WAN    |
| 2. Nút đặt lại                 | 5. Cổng WAN                  |
| 3. Cổng LAN                    | 6. Đèn LED cổng liên kết/ACT |

|                             |  |
|-----------------------------|--|
| Đèn LED trạng thái hệ thống | Đèn có màu xanh lục nhấp nháy liên tục: Bộ định tuyến đang khởi động.<br>Đèn có màu xanh lục đậm: Bộ định tuyến đang hoạt động bình thường.<br>Đèn có màu xanh lục nhấp nháy chậm: 1. Bộ định tuyến đang tự đặt lại về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. 2. Bộ định tuyến đang nâng cấp phần mềm.   |
| Nút đặt lại                 | Nhấn và giữ không quá 2 giây để khởi động lại bộ định tuyến.<br>Nhấn và giữ hơn 5 giây cho đến khi đèn LED hệ thống nhấp nháy để khôi phục bộ định tuyến về cài đặt mặc định của nhà sản xuất. (Thiết bị sẽ không phản hồi nếu bạn nhấn nút Đặt lại trong khoảng từ 2 đến 5 giây).<br>Sau khi bộ định tuyến được khôi phục về cài đặt mặc định của nhà sản xuất, địa chỉ quản lý mặc định là <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (Không có mật khẩu mặc định). |

## Bảng điều khiển phía sau



1. Phích cắm đầu vào DC

# Thông số kỹ thuật

|  |                    |  |
|--|--------------------|--|
| <b>Model</b>                               |                    | <b>RG-EG305GH-PE</b>   |
| Tiêu chuẩn cổng                            |                    | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Cổng                                       |                    | Năm cổng 10/100/1000Base-T, tối đa 4 cổng WAN. (Mặc định: 1 cổng WAN và 4 cổng LAN. LAN 1, LAN 2 và LAN 3 có thể được chuyển sang cổng WAN.)   |
| Công suất PoE                              |                    | Công suất đầu ra PoE ≤ 60 W  |
| Mức công suất tiêu thụ tối đa              |                    | < 80 W   |
| Nguồn cấp                                  |                    | Đầu vào bộ chuyển đổi AC:<br>Dải điện áp định mức: 100 V AC đến 240 V AC<br>Dải điện áp tối đa: 90 V AC đến 264 V AC<br>Tần số: 50 Hz/60 Hz<br>Dòng điện định mức: 1,5 A   |
| Thông số kỹ thuật Đầu nối bộ chuyển đổi DC |                    | Đường kính ngoài: 5,5 mm (0,22 inch)<br>Đường kính trong: 2,1 mm (0,08 inch)<br>Độ sâu: 10,0 mm (0,39 inch) ± 0,3 mm (0,01 inch)<br>Ký hiệu phân cực: tâm (đầu) của phích cắm đầu ra là dương (+) và trục tròn (vòng tròn) của đầu ra là âm (-). |
| Kích thước (R x S x C)                     |                    | 202 mm x 109,5 mm x 28 mm (7,95 inch x 4,31 inch x 1,10 inch, với bảng điều khiển)<br>202 mm x 108 mm x 28 mm (7,95 inch x 4,25 inch x 1,10 inch, không có bảng điều khiển)  |
| Môi trường hoạt động                       | Nhiệt độ hoạt động | 0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)  |
|  | Độ ẩm hoạt động    | 10% đến 90% RH (không ngưng tụ)  |
| Môi trường bảo quản                        | Nhiệt độ bảo quản  | -40°C đến 70°C (-40°F đến 158°F)   |
|  | Độ ẩm lưu trữ      | 5% đến 95% RH (không ngưng tụ)   |

Khuyến cáo CE: Thiết bị có thể gây nhiễu sóng vô tuyến trong môi trường sống.

# Buku Panduan

## Persiapan Instalasi Isi Paket

### Isi Paket

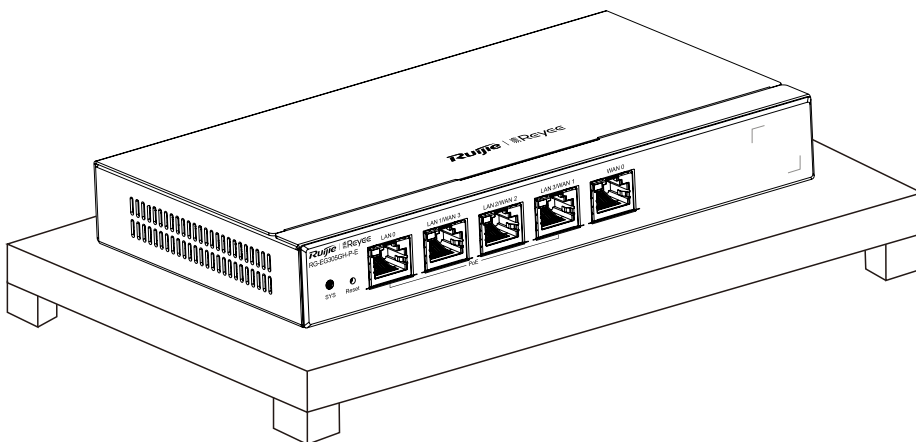
| Barang        | Jumlah | Catatan |
|---------------|--------|---------|
| Router        | 1      |         |
| Bantalan alas | 4      |         |
| Adaptor daya  | 1      |         |
| Kabel daya    | 1      |         |
| Buku Panduan  | 1      |         |
| Kartu Garansi | 1      |         |

Masuk ke situs resmi Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) kemudian masuk ke kategori produk yang sesuai untuk mencari produk yang dimaksud lalu unduh dokumentasi terkait.

## Instalasi

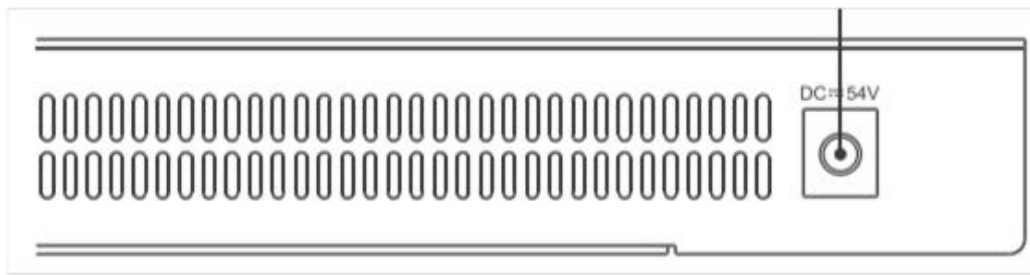
### Prosedur Instalasi

**Langkah 1** Simpan router di atas permukaan yang rata untuk menjaga sirkulasi udara.



**Langkah 2** Hubungkan adaptor ke masukan daya DC.

Masukan Daya DC



## Konfigurasi Jaringan

### Cara 1 (Direkomendasikan)

Pindai kode QR pada perangkat atau dalam buku panduan untuk mengunduh App Ruijie Cloud. Lakukan konfigurasi jaringan cerdas lalu selesaikan konfigurasi jaringan berdasarkan petunjuk pada App.

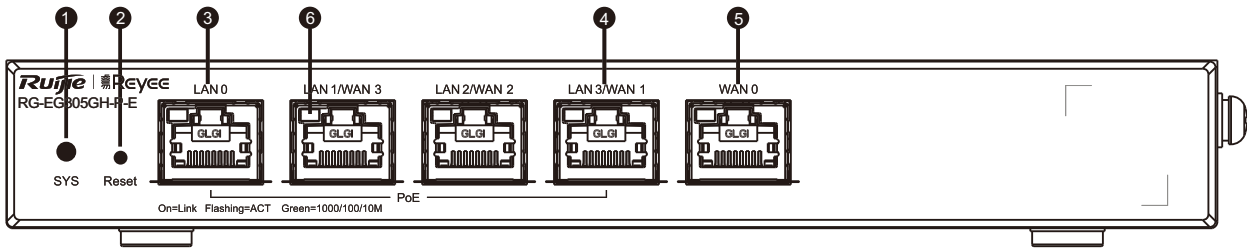


### Cara 2

Hubungkan klien ke port LAN manapun pada perangkat menggunakan kabel lalu kunjungi <http://192.168.110.1> untuk konfigurasi jaringan. (Disarankan menggunakan peramban Google Chrome.)

# Tombol dan Port

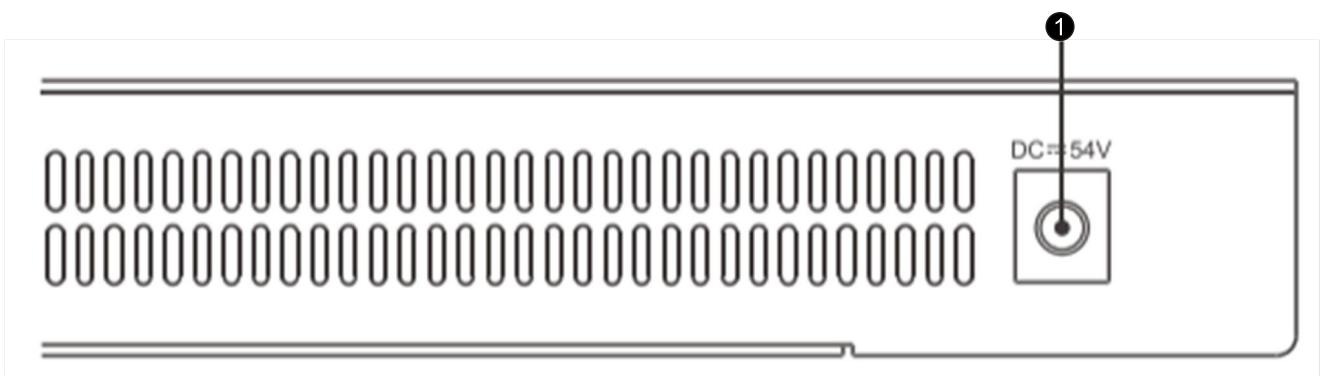
## Panel Depan



- |                      |                                      |
|----------------------|--------------------------------------|
| 1. LED Status Sistem | 4 Port LAN/WAN dapat saling berganti |
| 2. Tombol Reset      | 5. Port WAN                          |
| 3. Port LAN          | 6. LED Port Link/ACT                 |

|                   |  |
|-------------------|--|
| LED Status Sistem | Berkedip cepat hijau: Router sedang menyala.<br>Menyala hijau: Router berfungsi normal.<br>Berkedip pelan hijau: 1. Router mengembalikan konfigurasi ke setelan pabrik. 2. Router memperbarui perangkat lunak.   |
| Tombol Reset      | Tekan kurang dari 2 detik untuk me-restart router.<br>Tekan selama lebih dari 5 detik hingga LED system berkedip untuk mengembalikan ke setelan pabrik. (Perangkat tidak merespon jika anda menekan tombol Reset selama 2 hingga 5 dtk).<br>Setelah router kembali ke setelan pabrik, alamat manajemen awalnya adalah <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (tanpa password sejak awal). |

## Panel Belakang



1. Masukan Daya DC



# Spesifikasi

|                                 |                        |   |
|---------------------------------|------------------------|---|
| <b>Model</b>                    |                        | <b>RG-EG305GH-P-E</b>   |
| Standar Port                    |                        | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at   |
| Port                            |                        | Lima port 10/100/1000Base-T, hingga 4 port WAN. (Awal: 1 port WAN dan 4 port LAN. LAN 1, LAN 2 dan LAN 3 dapat diubah menjadi port WAN.)  |
| Daya PoE                        |                        | Daya keluaran PoE ≤ 60 W  |
| Penggunaan Daya Maksimal        |                        | < 80 W  |
| Suplai Daya                     |                        | Masukan adaptor AC:<br>Rentang nilai voltase: 100 V AC hingga 240 V AC<br>Rentang voltase maksimal: 90 V AC hingga 264 V AC<br>Frekuensi: 50 Hz/60 Hz<br>Nilai Arus: 1.5 A  |
| Spesifikasi Konektor Adaptor DC |                        | Diameter luar: 5.5 mm (0.22 in.)<br>Diameter dalam: 2.1 mm (0.08 in.)<br>Kedalaman: 10.0 mm (0.39 in.) ± 0.3 mm (0.01 in.)<br>Simbol Polaritas: bagian tengah (ujung) keluaran steker bernilai positif (+) dan bagian barel (cincin) steker bernilai negatif (-). |
| Dimensi (P x L x T)             |                        | 202 mm x 109.5 mm x 28 mm (7.95 in. x 4.31 in. x 1.10 in., dengan panel)<br>202 mm x 108 mm x 28 mm (7.95 in. x 4.25 in. x 1.10 in., tanpa panel)   |
| Lingkungan Kerja                | Temperatur Kerja       | 0°C hingga 40°C (32°F hingga 104°F)   |
|                                 | Kelembaban Kerja       | 10% hingga 90% RH (tidak berembun)  |
| Lingkungan Penyimpanan          | Temperatur Penyimpanan | -40°C hingga 70°C (-40°F hingga 158°F)  |
|                                 | Kelembaban Penyimpanan | 5% hingga 95% RH (tidak berembun)   |

Peringatan CE: Perangkat dapat menyebabkan interferensi radio pada lingkungan sekitar.

# Руководство пользователя

Подготовка к установке  
Содержание коробки

## Содержание коробки

| п/п                      | Количество | Примечание |
|--------------------------|------------|------------|
| Маршрутизатор            | 1          |            |
| Подкладка                | 4          |            |
| Блок питания             | 1          |            |
| Сетевой шнур             | 1          |            |
| Руководство пользователя | 1          |            |
| Гарантийный талон        | 1          |            |

Войдите на официальный сайт компании Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) и укажите соответствующую категорию продукта, чтобы найти его и загрузить сопутствующую документацию.

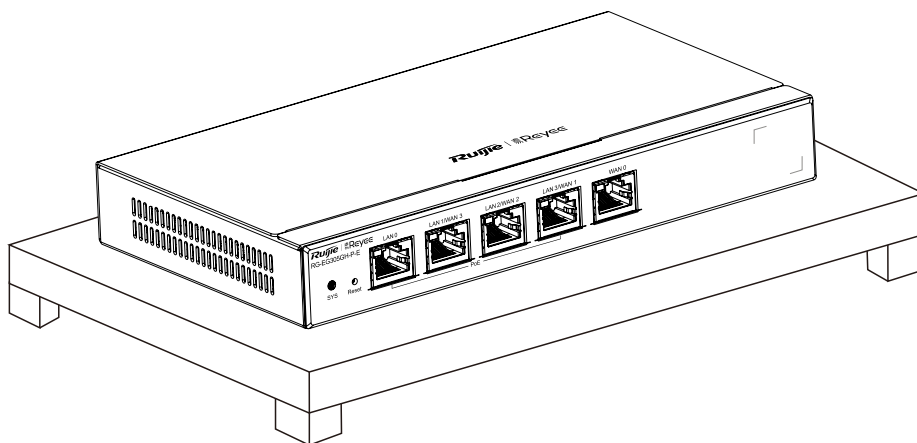
Русский

## Установка

### Порядок установки

#### 1-й шаг

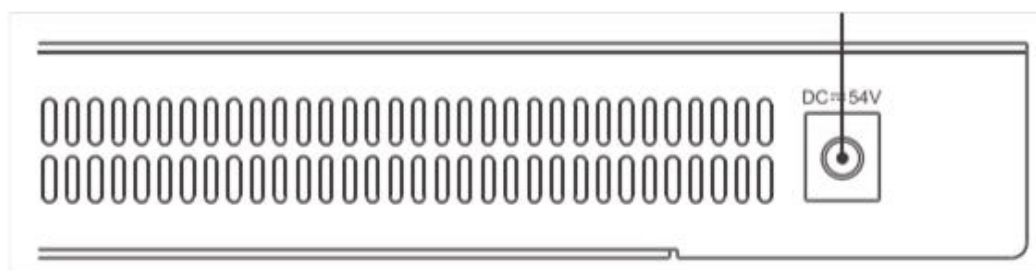
Положите маршрутизатор на ровную поверхность, чтобы обеспечить хорошую вентиляцию.



## Шаг 2

Подключите блок питания к входному разъему постоянного тока.

Входной разъем



## Конфигурация сети

### 1-й способ (рекомендуемый)

Для загрузки приложения Ruijie Cloud отсканируйте QR-код в руководстве пользователя или на самом устройстве. Подключитесь к сети и выполните ее настройку сети в соответствии с приведенными в приложении инструкциями.

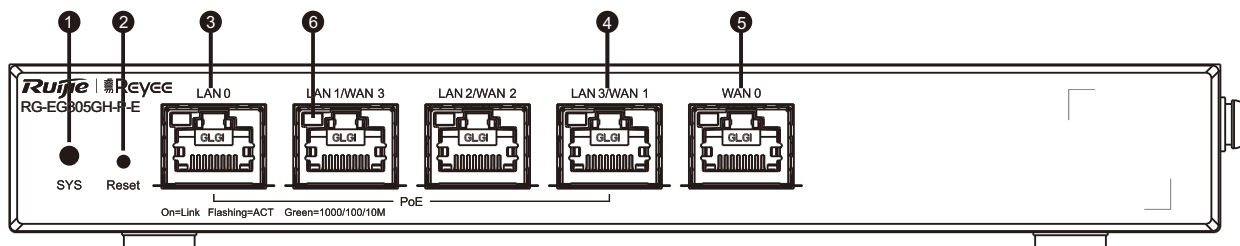


### 2-й способ

С помощью кабеля подключите клиент к любому LAN-порту устройства и зайдите на сайт <http://192.168.110.1> для настройки сети. (Рекомендуется использовать браузер Google Chrome)

# Кнопки и порты

## Передняя панель

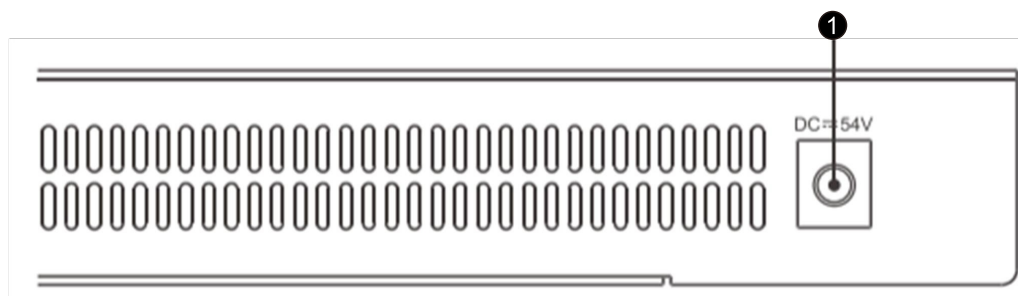


- |   |  |
|---|--|
| 1. Светодиодный индикатор статуса системы | 4. LAN/WAN-порт                                  |
| 2. Кнопка сброса                          | 5. WAN-порт                                      |
| 3. LAN-порт                               | 6. Светодиод наличия/отсутствия соединения порта |

|  |   |
|--|---|
| Светодиодный индикатор статуса системы | Быстро мигающий зеленый: включение маршрутизатора.<br>Стабильно зелёный: нормальная работа маршрутизатора.<br>Медленно мигающий зеленый: 1. Маршрутизатор восстанавливает заводские настройки по умолчанию. 2. Маршрутизатор обновляет программное обеспечение. |
|--|---|

|               |   |
|---------------|---|
| Кнопка сброса | Для перезагрузки маршрутизатора нажмите кнопку и удерживайте ее в течение не более 2 секунд.<br>Для восстановления заводских настроек маршрутизатора по умолчанию нажмите кнопку и удерживайте ее более 5 секунд, пока не замигает системный светодиод. (Устройство не отвечает, если нажать кнопку сброса (Reset) и удерживать ее в течение 2 - 5 секунд).<br>После восстановления заводских настроек маршрутизатора по умолчанию адрес управления по умолчанию станет <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (без пароля). |
|---------------|---|

## Задняя панель



1. Входной разъем постоянного тока

# Технические характеристики

|   |                        |  |
|---|------------------------|--|
| <b>Модель</b>   |                        | <b>RG-EG305GH-P-E</b>  |
| Стандарты порта   |                        | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Порты   |                        | Пять портов 10/100/1000Base-T, до 4 WAN-портов. (По умолчанию: 1 WAN-порт и 4 LAN-порта. LAN 1, LAN 2 и LAN 3 могут быть переключены в режим WAN-портов)   |
| Мощность PoE  |                        | Выходная мощность PoE ≤ 60 Вт  |
| Максимальная потребляемая мощность:                                 |                        | < 80 Вт  |
| Электропитание  |                        | Входящий переменный ток блока питания:<br>Диапазон номинального напряжения: от 100 В переменного тока до 240 В переменного тока<br>Максимальный диапазон напряжения: от 90 В переменного тока до 264 В переменного тока<br>Частота: 50 Гц/60 Гц<br>Номинальная сила тока: 1,5 А      |
| Разъем постоянного тока блока питания<br>Технические характеристики |                        | Внешний диаметр: 5,5 мм (0,22 дюйма)<br>Внутренний диаметр: 2,1 мм (0,08 дюйма)<br>Глубина: 10,0 мм (0,39 дюйма) ± 0,3 мм (0,01 дюйма)<br>Полярность: в центр (на наконечнике) выходного штекера – положительный заряд (+), а на обжимной части (кольце) выхода – отрицательный (-). |
| Габаритные размеры (Ш x Г x В)                                      |                        | 202 мм x 109,5 мм x 28 мм (7,95 дюйма x 4,31 дюйма x 1,10 дюйма, вместе с панелью)<br>202 мм x 108 мм x 28 мм (7,95 дюйма x 4,25 дюйма x 1,10 дюйма, без панели)   |
| Условия эксплуатации  | Рабочая температура    | 0°C - 40°C (32°F - 104°F)  |
|   | Рабочая влажность      | от 10% до 90% относительной влажности (без конденсации)  |
| Условия хранения  | Температура хранения   | -40°C - 70°C (-40°F - 158°F)   |
|   | Влажность при хранении | от 5% до 95% относительной влажности (без конденсации)   |

Предупреждение согласно требованиям Совета Европы:  
Устройство может создавать радиопомехи в жилых помещениях.

## التجهيز للتركيب محتويات العبوة

### محتويات العبوة

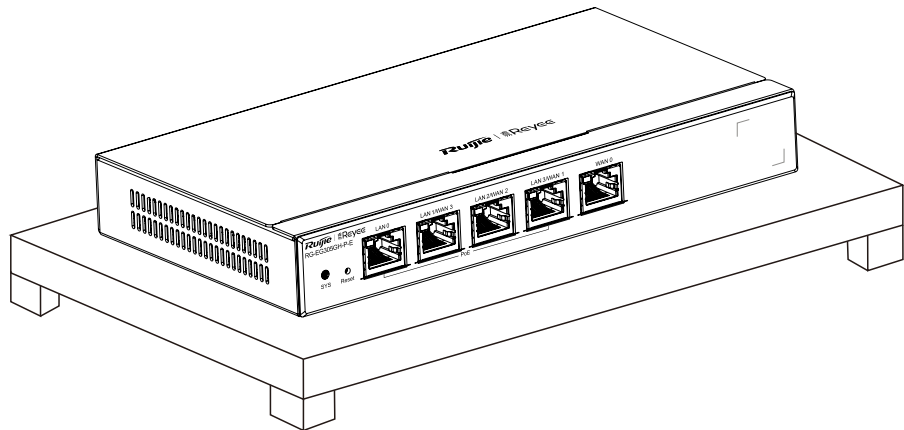
| ملاحظة | الكمية | العنصر          |
|--------|--------|-----------------|
|        | 1      | الموجه          |
|        | 4      | القاعدة السفلية |
|        | 1      | محول الطاقة     |
|        | 1      | سلك الطاقة      |
|        | 1      | دليل المستخدم   |
|        | 1      | بطاقة الضمان    |

سجل الدخول إلى الموقع الرسمي لشبكات Ruijie (<https://www.ruijienetworks.com>) وأدخل فئة المنتج المطابق للعثور على المنتج ونزل المستندات ذات الصلة.

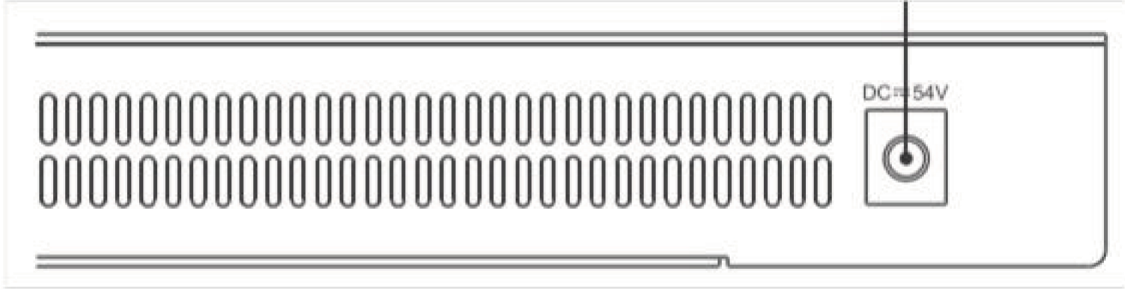
## التركيب

### إجراءات التركيب

**الخطوة 1** ضع الموجه في وضع أفقي ثابت على طاولة لضمان التهوية الجيدة.



**الخطوة 2** صل المحول بفايس إدخال التيار المستمر.



## تهيئة الشبكة

### الطريقة 1 (موصى بها)

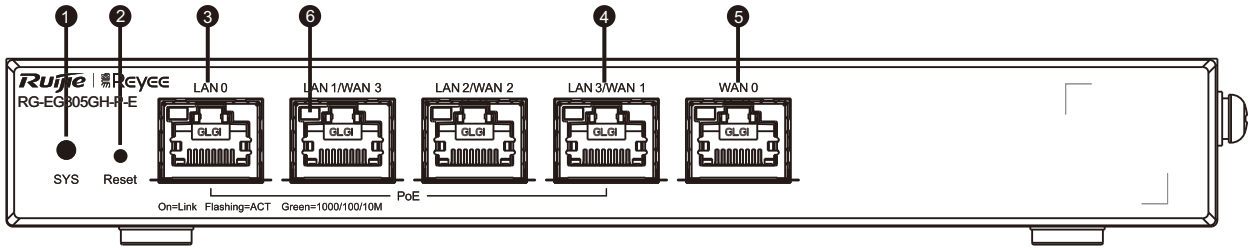
امسح ضوئياً رمز QR الموجود على الجهاز أو على الدليل لتنزيل تطبيق Ruijie Cloud. نفذ الربط الشبكي الذكي وأتمم تهيئة الشبكة حسب التعليمات الواردة بالتطبيق.



### الطريقة 2

لتهيئة الشبكة؛ صل العميل بأي منفذ LAN بالجهاز باستخدام كابل و زر <http://192.168.110.1>. (يُوصى باستخدام متصفح Google Chrome).

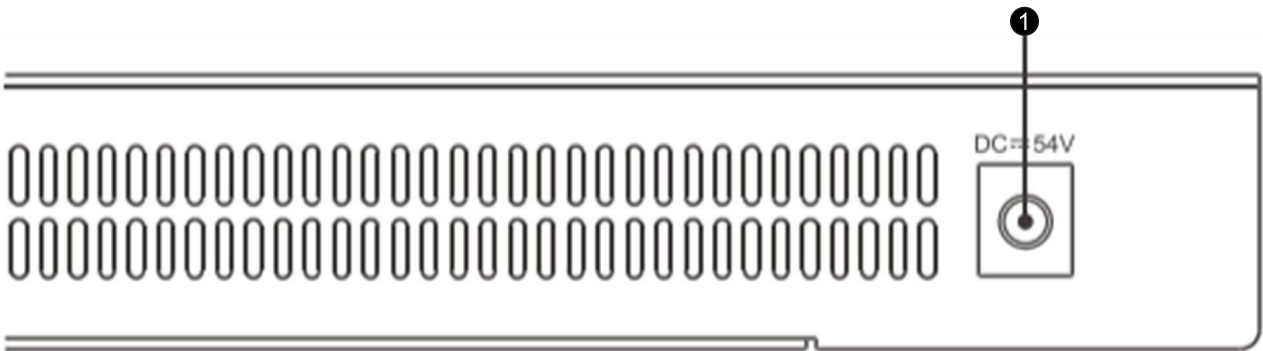
## اللوحة الأمامية



- |                               |                                  |
|-------------------------------|----------------------------------|
| 1. مؤشر بيان LED لحالة النظام | 4. منفذ قابل للتحويل LAN/WAN     |
| 2. زر إعادة التعيين           | 5. منفذ WAN                      |
| 3. منفذ LAN                   | 6. مصباح بيان LED لمنفذ Link/ACT |

|                            |   |
|----------------------------|---|
| مؤشر بيان LED لحالة النظام | وميض أخضر سريع: جار بدء تشغيل المُوجّه. أخضر مستمر: الموجه يعمل بصورة صحيحة. وميض أخضر بطيء: 1. جار استعادة إعدادات المصنع للمُوجّه. 2. جار ترقية برنامج تشغيل الموجه.  |
| زر إعادة التعيين           | اضغط لمدة تقل عن ثانيتين لإعادة تشغيل المُوجّه. الضغط لمدة تزيد على 5 ثوانٍ إلى أن تضيء مصابيح بيان النظام لأجل استعادة إعدادات ضبط المصنع للموجه. (الجهاز لا يستجيب إذا كنت تضغط على زر إعادة التعيين Reset لمدة ما بين ثانيتين إلى 5 ثوانٍ). بعد استعادة المُوجّه لإعدادات المصنع الافتراضية، سيكون عنوان الإدارة الافتراضي <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (لا توجد كلمة مرور على الوضع الافتراضي) |

## اللوحة الخلفية



1. قابس إدخال التيار المستمر



| لطرز  | RG-EG305GH-P-E   |
|---|--|
| معيار الـ IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at |  |
| الـ WAN   | خمسة منفذ 10/100/1000Base-T، سبعة 4 منفذ WAN.<br>(الضعف المتراضي: منفذ WAN واحد أربعة منفذ LAN يمكن تغيير<br>المنفذ 1 LAN 2 LAN 3 LAN 4 المنفذ 5 WAN).   |
| طاقة PoE  | طاقة خرج PoE ≤ 60 واط  |
| أقصى بلبت لكل الطاقة  | < 80 واط   |
| حجم إمداد الطاقة  | محال إدخال للتيار المتردد:<br>نطاق لاج مد القدر: 100 فولت تيار متردد إلى 240 فولت تيار متردد<br>نطاق لاج مد أقصى: 90 فولت تيار متردد إلى 264 فولت تيار متردد<br>التردد: 50 هرتز / 60 هرتز<br>التيار القدر: 1.5 أمبير |
| مواصفات محال مصل للتيار المبتدئ   | القطر الخارجي: 5.5 مم (0.22 بوصة)<br>القطر الداخلي: 2.1 مم (0.08 بوصة)<br>العمق: 10.0 مم (0.39 بوصة) ± 0.3 مم (0.01 بوصة)<br>رمز القطبية: مركز (طرف) للقبس الخارجي يكتمل م (+) للقب<br>(التيار الخارج سالب (-)).     |
| البعاد (العرض × العمق × الارتفاع)   | 202 مم * 109.5 مم * 28 مم (7.95 بوصة * 4.31 بوصة * 1.10 بوصة)<br>202 مم * 108 مم * 28 مم (7.95 بوصة * 4.25 بوصة * 1.10 بوصة)<br>بوصة، شامثي الكاح (بوصة)   |
| جهاز التشغيل  | درجة حرارة التشغيل   |
|   | رطوبة التشغيل  |
| جهاز التخزين  | درجة حرارة التخزين   |
|   | رطوبة التخزين  |
|   | مابين صفر درجة هئية إلى 40 درجة هئية (32 من طيت حتى 104 من طيت)<br>10% إلى 90% رطوبة نسبية (بدون تكييف)<br>مابين -40 درجة هئية إلى 70 درجة هئية (-40 من طيت حتى 158 من طيت)<br>5% إلى 95% رطوبة نسبية (بدون تكييف)   |

تحذير (CE): قد يوجب هذا الراج هاز للتشيش على إشارة الراي في جهاز المجهزة.

# Benutzerhandbuch

Vorbereitung für die Installation  
Verpackungsinhalt≈

## Verpackungsinhalt

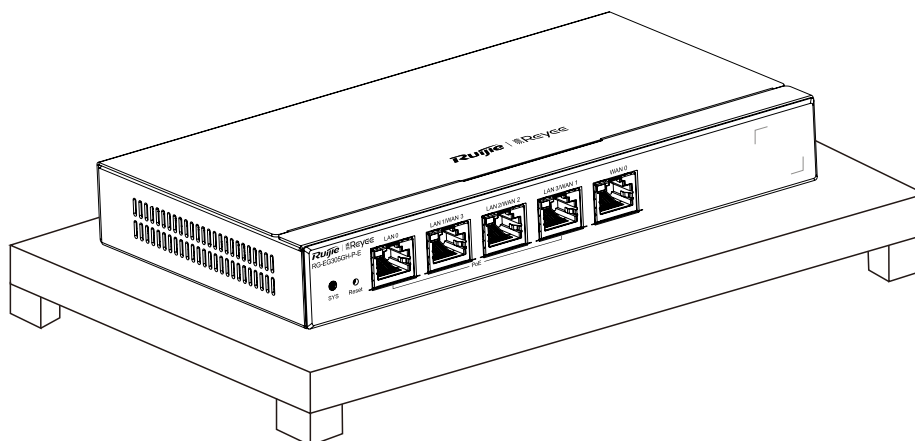
| Artikel          | Menge | Hinweis |
|------------------|-------|---------|
| Router           | 1     |         |
| Fußplatte        | 4     |         |
| Netzteil         | 1     |         |
| Netzstromkabel   | 1     |         |
| Benutzerhandbuch | 1     |         |
| Garantieschein   | 1     |         |

Melden Sie sich auf der offiziellen Website von Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) an und geben Sie die entsprechende Produktkategorie ein, um das Produkt zu finden und die damit verbundene Dokumentation herunterzuladen.

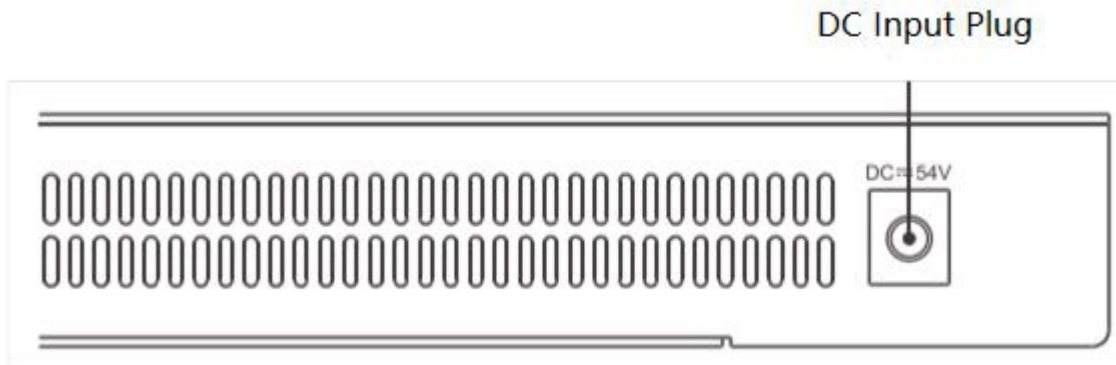
## Installation

### Installationsverfahren

**Schritt 1** Router flach auf den Arbeitstisch legen, um eine gute Lüftung zu gewährleisten.



**Schritt 2** Adapter am DC-Eingangsstecker anschließen.



## Netzwerkconfiguration

### Methode 1 (Empfohlen)

QR-Code auf dem Gerät oder im Handbuch scannen, um die Ruijie Cloud App herunterzuladen. Führen Sie die intelligente Netzwerkverbindung durch und stellen Sie die Konfiguration basierend auf den Anweisungen der App fertig.

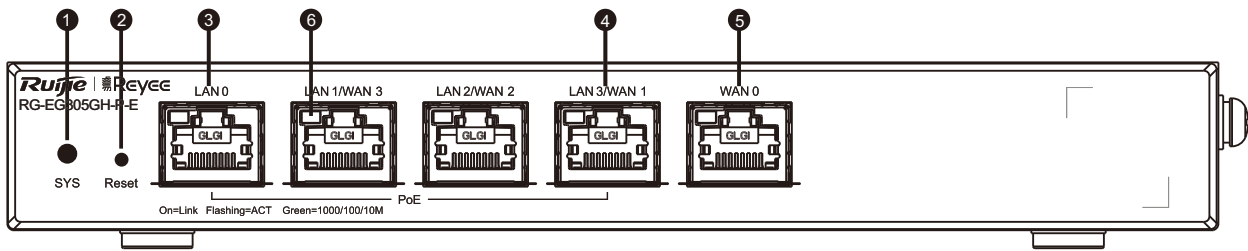


### Methode 2

Verbinden Sie den Client mit einem beliebigen LAN-Anschluss des Geräts mit einem Kabel und besuchen Sie <http://192.168.110.1> um das Netzwerk zu konfigurieren. (Google Chrome Browser wird empfohlen)

# Tasten und Anschlüsse

## Vorderes Bedienfeld

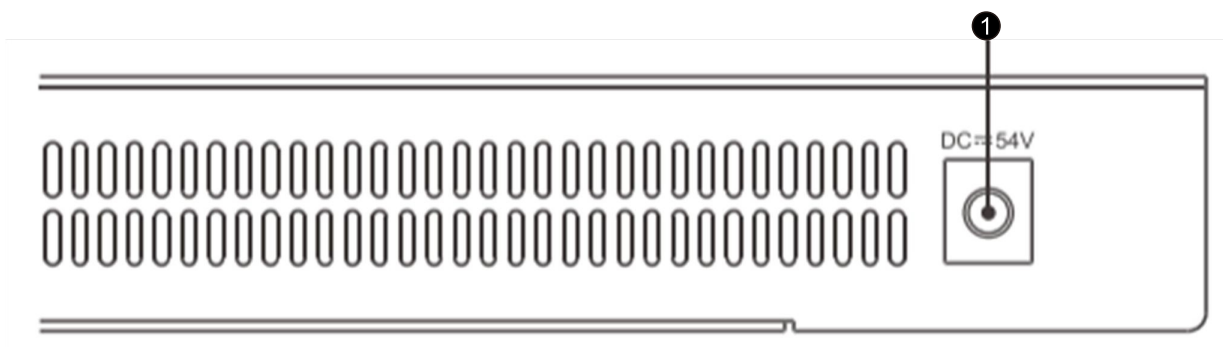


- |                      |                                 |
|----------------------|---------------------------------|
| 1. System-Status-LED | 4 LAN/WAN Schaltbarer Anschluss |
| 2. Reset-Taste       | 5. WAN-Anschluss                |
| 3. LAN-Anschluss     | 6. Link/ACT Anschluss LED       |

**System-Status-LED** Schnelles Blinken grün: Der Router fährt hoch.  
 Dauerhaft grün: Der Router funktioniert ordnungsgemäß.  
 Langsames Blinken grün: 1. Der Router stellt die Werkseinstellungen wieder her. 2. Der Router aktualisiert die Software.

**Reset-Taste** Weniger als 2 Sekunden lang drücken, um den Router neu zu starten.  
 Länger als 5 Sekunden lang drücken, bis die System-LED blinkt, um den Router auf Werkseinstellungen zurückzusetzen. (Das Gerät reagiert nicht, wenn Sie die Reset-Taste zwischen 2 s und 5 s lang drücken).  
 Nach dem Zurücksetzen des Routers auf Werkseinstellungen, ist die Standard-Verwaltungsadresse <http://192.168.110.1> (Standardmäßig kein Passwort).

## Hinteres Bedienfeld



1. DC-Eingangsstecker

# Technische Eigenschaften

| Modell                            |                      | RG-EG305GH-P-E   |
|-----------------------------------|----------------------|--|
| Anschluss-Standards               |                      | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at  |
| Anschlüsse                        |                      | Fünf 10/100/1000Base-T Anschlüsse, bis zu 4 WAN-Anschlüsse.<br>(Standard: 1 WAN-Anschluss und 4 LAN-Anschlüsse. LAN 1, LAN 2 und LAN 3 können auf den WAN-Anschluss umgeschaltet werden.)  |
| PoE-Leistung                      |                      | PoE-Ausgangsleistung ≤ 60 W  |
| Maximaler Stromverbrauch          |                      | < 80 W   |
| Stromversorgung                   |                      | Netzteil AC-Eingang:<br>Nennspannungsbereich: 100 V AC bis 240 V AC<br>Maximaler Spannungsbereich: 90 V AC bis 264 V AC<br>Frequenz: 50 Hz/60 Hz<br>Nennstrom: 1,5 A   |
| Netzteil DC Anschlusspezifikation |                      | Außendurchmesser: 5,5 mm (0,22 in)<br>Innendurchmesser: 2,1 mm (0,08 in)<br>Tiefe: 10,0 mm (0,39 in) ± 0,3 mm (0,01 in)<br>Polaritätssymbol: die Mitte (Spitze) des Ausgangssteckers ist positiv (+) und der Lauf (Ring) des Ausgangs ist negativ (-). |
| Maße (B x T x H)                  |                      | 202 mm x 109,5 mm x 28 mm (7,95 in x 4,31 in x 1,10 in, mit Bedienfeld)<br>202 mm x 108 mm x 28 mm (7,95 in x 4,25 in x 1,10 in, ohne Bedienfeld)  |
| Betriebsumgebung                  | Betriebstemperatur   | 0 °C bis 40 °C (32 °F bis 104 °F)  |
|                                   | Betriebsfeuchtigkeit | 10 % bis 90 % rF (nicht kondensierend)   |
| Lagerumgebung                     | Lagertemperatur      | -40 °C bis 70 °C (-40 °F bis 158 °F)   |
|                                   | Lagerfeuchtigkeit    | 5 % bis 95 % rF (nicht kondensierend)  |

CE-Hinweis: Dieses Gerät kann Funkinterferenzen in der lebenden Umwelt verursachen.

# Manuel utilisateur

## Préparation de l'installation

### Contenu du package

#### Contenu du package

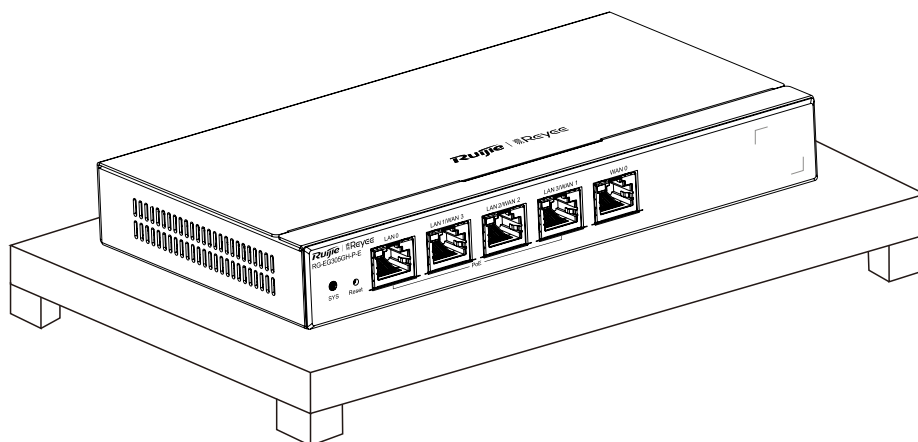
| Élément  | Quantité | Remarque |
|--|----------|----------|
| Routeur  | 1        |          |
| Coussinets de protection des pattes du routeur | 4        |          |
| Adaptateur secteur                             | 1        |          |
| Câble d'alimentation                           | 1        |          |
| Manuel utilisateur                             | 1        |          |
| Carte de garantie                              | 1        |          |

Connectez-vous au site officiel de Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>), puis saisissez le nom de la catégorie du produit recherché pour le trouver et télécharger la documentation associée.

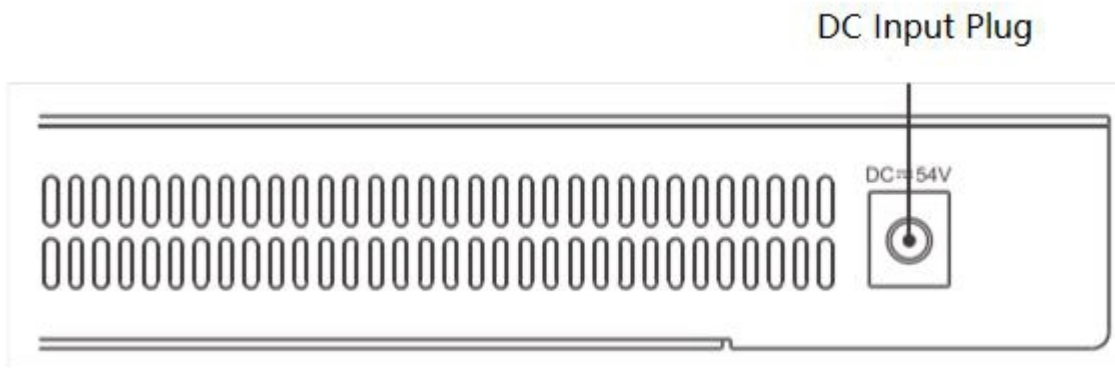
## Installation

### Procédure d'installation

**Étape 1** : posez le routeur sur une surface plane et rigide pour permettre une bonne ventilation.



**Étape 2** : connectez l'adaptateur à la prise d'entrée courant continu.



## Configuration des paramètres du réseau

### Méthode 1 (recommandée)

Scannez le Code QR sur l'équipement ou dans le manuel pour télécharger l'application Ruijie Cloud. Procédez à la mise en réseau intelligente et terminez la configuration des paramètres du réseau en suivant les instructions fournies par l'application.

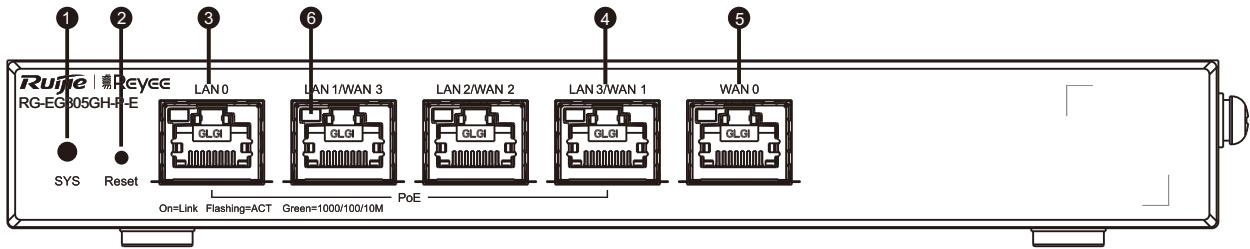


### Méthode 2

Connectez le client à n'importe quel port LAN du routeur à l'aide d'un câble Ethernet et saisissez l'adresse <http://192.168.110.1> dans la barre d'adresse d'un navigateur pour la configuration des paramètres du réseau. (Il est recommandé d'utiliser le navigateur Google Chrome.)

# Ports et boutons

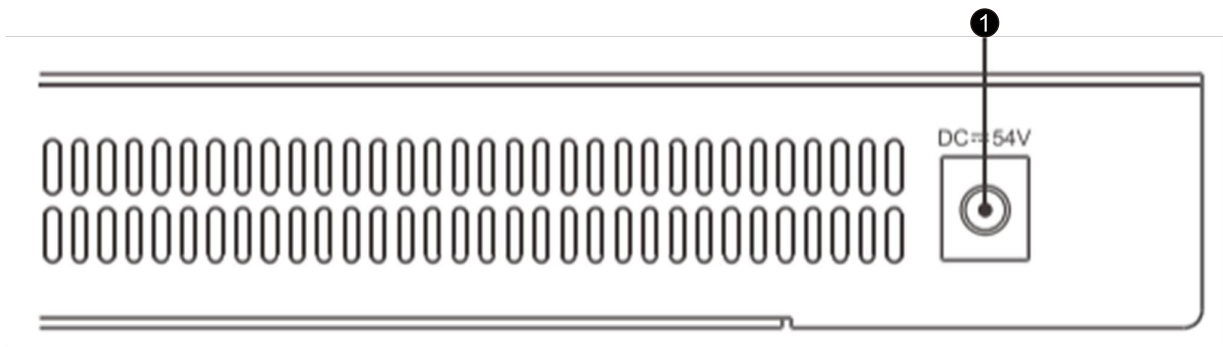
## Face avant



- |                               |                              |
|-------------------------------|------------------------------|
| 1. LED d'état du système      | 4 Port commutable LAN et WAN |
| 2. Bouton de réinitialisation | 5. Port WAN                  |
| 3. Port LAN                   | 6. LED du port Link/ACT      |

|                            |   |
|----------------------------|---|
| LED d'état du système      | Vert clignotant rapidement : le routeur est en train de démarrer.<br>Vert fixe : le routeur fonctionne correctement.<br>Vert clignotant lentement : 1. Le routeur est en train de rétablir sa configuration d'usine. 2. Le routeur est en train de mettre à jour son logiciel.  |
| Bouton de réinitialisation | Appuyez sur le bouton de réinitialisation pendant moins de 2 secondes pour redémarrer le routeur.<br>Appuyez sur le bouton de réinitialisation pendant plus de 5 secondes jusqu'à ce que le voyant LED du système clignote, pour rétablir la configuration d'usine du routeur. (Le routeur ne change pas d'état lorsque vous maintenez le bouton de réinitialisation appuyé entre 2 et 5 s).<br>Lorsque la configuration d'usine du routeur est rétablie, son adresse de gestion par défaut est <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> (par défaut, il n'y a pas de mot de passe). |

## Face arrière



1. Prise d'entrée courant continu



# Caractéristiques techniques

| Modèle  |   | RG-EG305GH-P-E  |
|---|---|---|
| Normes des ports  |   | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at   |
| Ports   |   | Cinq ports 10/100/1000Base-T, jusqu'à quatre ports WAN.<br>(Par défaut : un port WAN et quatre ports LAN. Les ports LAN 1, LAN 2 et LAN 3 peuvent être commutés sur le port WAN.)   |
| Alimentation PoE (Power over Ethernet)  |   | Puissance de sortie de l'alimentation PoE ≤ 60 W  |
| Consommation électrique maximale  |   | < 80 W  |
| Alimentation  |   | Adaptateur de l'entrée secteur :<br>Plage de tension nominale : entre 100 et 240 V CA<br>Plage de tension maximale : entre 90 et 264 V CA<br>Fréquence : 50/60 Hz<br>Courant nominal : 1,5 A                                  |
| Caractéristiques techniques du connecteur d'alimentation en courant continu de l'adaptateur |   | Diamètre externe : 5,5 mm<br>Diamètre interne : 2,1 mm<br>Profondeur : 10 mm ± 0,3 mm<br>Symbole de polarité : le centre (pointe) de la fiche de sortie est positif (+) et le barillet (anneau) de la sortie est négatif (-). |
| Dimensions (L x P x H)  |   | 202 mm x 109,5 mm x 28 mm (avec panneau)<br>202 mm x 108 mm x 28 mm (sans panneau)  |
| Environnement de fonctionnement   | Température de fonctionnement           | Entre 0 et 40 °C  |
|   | Taux d'humidité en fonctionnement       | Entre 10 et 90 % d'humidité relative (sans condensation)  |
| Environnement de stockage   | Température de stockage                 | Entre -40 et 70 °C  |
|   | Taux d'humidité de l'espace de stockage | Entre 5 et 95 % d'humidité relative (sans condensation)   |

Avertissement CE : L'équipement peut provoquer des interférences radio dans le milieu de vie.

# Manual de usuario

## Preparación para la instalación

### Contenido del paquete

#### Contenido del paquete

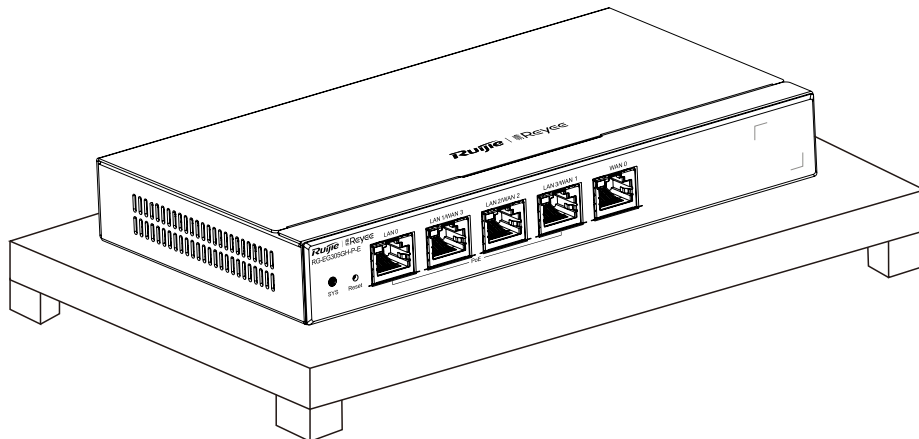
| Artículo               | Cantidad | Comentario |
|------------------------|----------|------------|
| Router                 | 1        |            |
| Apoyos                 | 4        |            |
| Adaptador de corriente | 1        |            |
| Cable de alimentación  | 1        |            |
| Manual de usuario      | 1        |            |
| Tarjeta de garantía    | 1        |            |

Inicie sesión en el sitio web oficial de Ruijie Networks (<https://www.ruijienetworks.com>) y entre en la categoría de producto correspondiente para encontrar el producto y descargar la documentación relacionada.

## Instalación

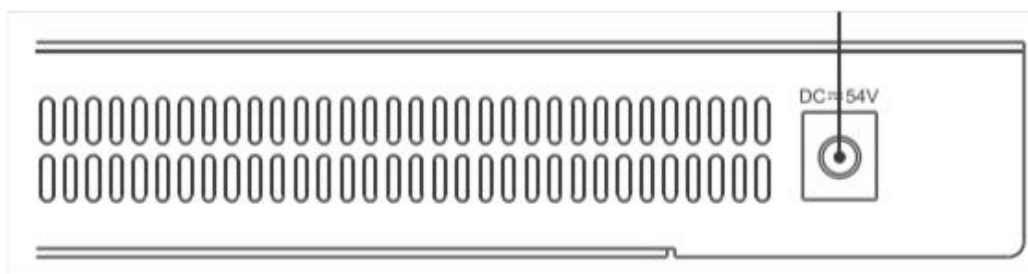
### Procedimiento de instalación

**Paso 1** Coloque el router plano en una mesa para garantizar una buena ventilación.



**Paso 2** Conecte el adaptador al enchufe de entrada de CC.

Enchufe de entrada de CC



## Configuración de la red

### Método 1 (recomendado)

Escanee el código QR en el dispositivo o en el manual para descargar la aplicación Ruijie Cloud. Realice la interconexión de red inteligente y complete la configuración de red según las instrucciones de la aplicación.

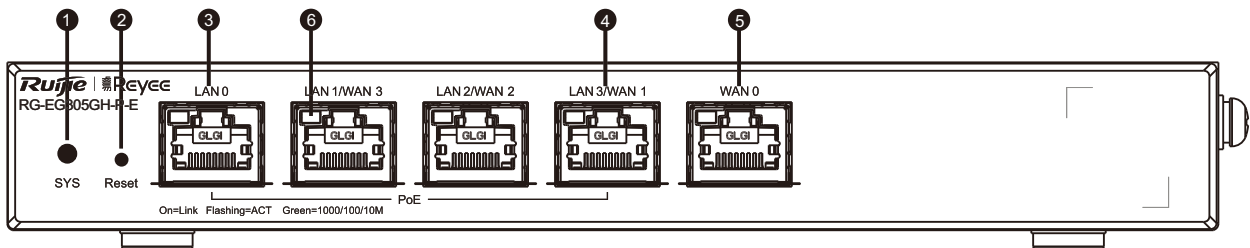


### Método 2

Conecte el cliente a cualquier puerto LAN del dispositivo con un cable y visite la dirección <http://192.168.110.1> para configurar la red. (Se recomienda el navegador Google Chrome).

# Botones y puertos

## Panel frontal

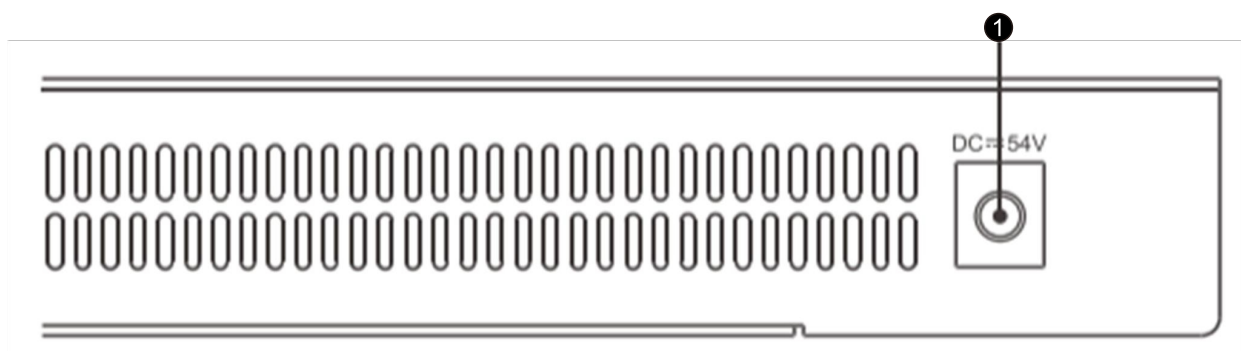


- |                              |                             |
|------------------------------|-----------------------------|
| 1. LED de estado del sistema | 4 Puerto conmutable LAN/WAN |
| 2. Botón Restablecer         | 5. Puerto WAN               |
| 3. Puerto LAN                | 6. LED de puerto Link/ACT   |

**LED de estado del sistema** Verde parpadeante rápido: El router se está iniciando.  
Verde continuo: El router funciona correctamente.  
Verde parpadeante lento: 1. El router está restableciendo la configuración predeterminada de fábrica. 2. El router está actualizando el software.

**Botón Restablecer** Pulse durante menos de 2 segundos para reiniciar el router.  
Presione durante más de 5 segundos hasta que el LED del sistema parpadee para restablecer el router a la configuración predeterminada de fábrica. (El dispositivo no responde si presiona el botón Restablecer de 2s a 5s).  
Después de restablecer el router a la configuración predeterminada de fábrica, la dirección de administración predeterminada es <http://192.168.110.1> (sin contraseña por defecto).

## Panel posterior



1. Enchufe de entrada de CC

# Especificaciones

| Modelo  |                               | RG-EG305GH-P-E  |
|---|-------------------------------|---|
| Puertos estándar                              |                               | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at   |
| Puertos                                       |                               | Cinco puertos 10/100/1000Base-T, hasta 4 puertos WAN.<br>(Predeterminado: 1 puerto WAN y 4 puertos LAN. LAN 1, LAN 2 y LAN 3 se pueden cambiar al puerto WAN).  |
| Potencia PoE                                  |                               | Potencia de salida PoE ≤ 60 W   |
| Consumo máximo de energía                     |                               | < 80 W  |
| Fuente de alimentación                        |                               | Adaptador de entrada de CA:<br>Rango de tensión nominal: 100 V CA a 240 V CA<br>Rango de tensión máxima: 90 V CA a 264 V CA<br>Frecuencia: 50 Hz/60 Hz<br>Corriente nominal: 1,5 A  |
| Conector CC del adaptador<br>Especificaciones |                               | Diámetro exterior: 5,5 mm (0,22 pulg.)<br>Diámetro interior: 2,1 mm (0,08 pulg.)<br>Profundidad: 10,0 mm (0,39 pulg.) ± 0,3 mm (0,01 pulg.)<br>Símbolo de polaridad: el centro (punta) del enchufe de salida es positivo (+) y el barril (anillo) de la salida es negativo (-). |
| Dimensiones (An × Pr ×Al)                     |                               | 202 mm × 109,5 mm × 28 mm (7,95 pulg. × 4,31 pulg. × 1,10 pulg., con el panel)<br>202 mm × 108 mm × 28 mm (7,95 pulg. × 4,25 pulg. × 1,10 pulg., sin el panel)  |
| Ambiente de trabajo                           | Temperatura de funcionamiento | 0 °C a 40 °C (32 °F a 104 °F)   |
|   | Humedad de funcionamiento     | 10% a 90% humedad relativa (sin condensación)   |
| Entorno de almacenamiento                     | Temperatura de almacenamiento | -40 °C a 70 °C (-40 °F a 158 °F)  |
|   | Humedad de almacenamiento     | 5% a 95% humedad relativa (sin condensación)  |

Advertencia CE: El dispositivo puede causar interferencias de radio en el entorno.

# Kullanıcı El Kitabı

## Kurulum için Hazırlık Paket İçeriği

### Paket İçeriği

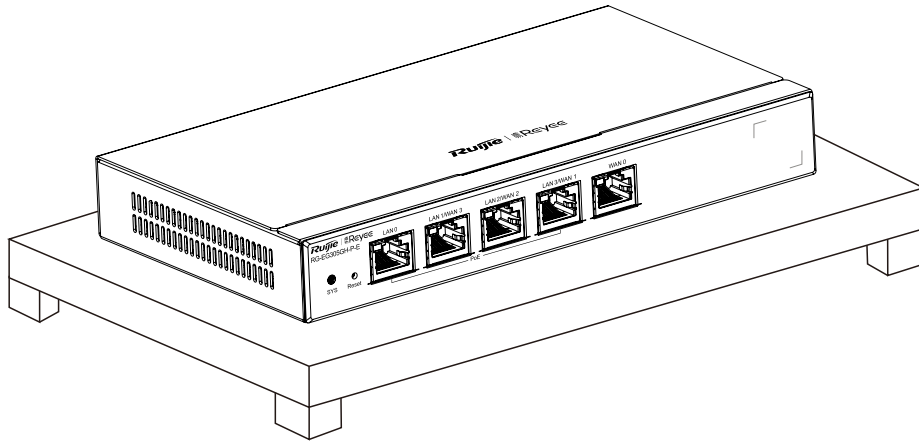
| Öge                               | Miktar | Notlar |
|-----------------------------------|--------|--------|
| Yönlendirici                      | 1      |        |
| Ayak tamponu                      | 4      |        |
| Güç Adaptörü                      | 1      |        |
| Güç kablosu                       | 1      |        |
| Kullanıcı El Kitabı (User Manual) | 1      |        |
| Garanti Kartı                     | 1      |        |

Ruijie Networks'ün resmi web sitesinde oturum açın (<https://www.ruijienetworks.com>) ve ürünü bulmak için ilgili ürün kategorisini girin ve ilgili dokümantasyonu indirin.

## Kurulum

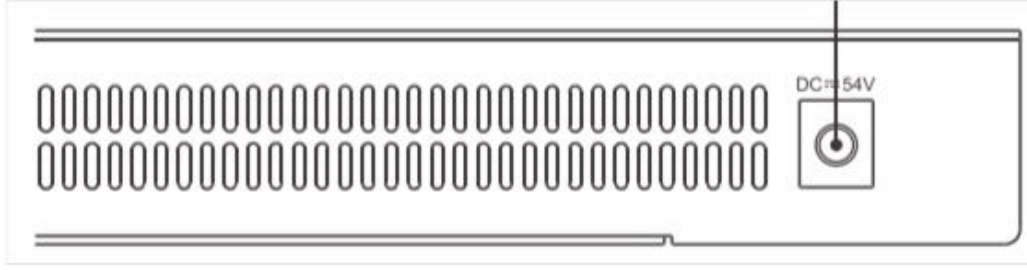
### Kurulum Prosedürü

**Adım 1** İyi bir havalandırma sağlamak için yönlendiriciyi bir çalışma tezgahı üzerine yatay olarak yerleştirin.



**Adım 2** Adaptörü DC giriş yuvasına bağlayın.

DC Giriş Yuvası



## Ağ Yapılandırması

### Yöntem 1 (Tavsiye Edilen)

Ruijie Bulut Uygulamasını karşıdan yüklemek için aygıt veya el kitabı üzerindeki Kare Kodu okutun. Akıllı ağ oluşturma özelliğini uygulayın ve Uygulamadaki talimatları baz alarak ağ yapılandırmasını tamamlayın.

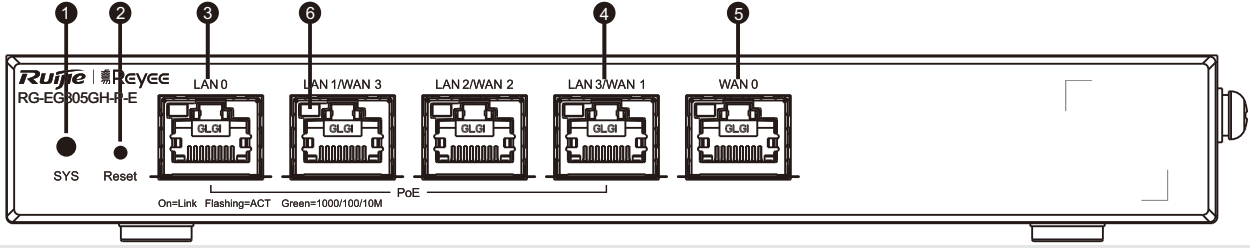


### Yöntem 2

İstemciyi bir kablo ile aygıtın herhangi bir LAN portuna bağlayın ve ağ yapılandırma için <http://192.168.110.1> adresini ziyaret edin. (Google Chrome tarayıcısını kullanmanız önerilir.)

# Düğmeler ve Portlar

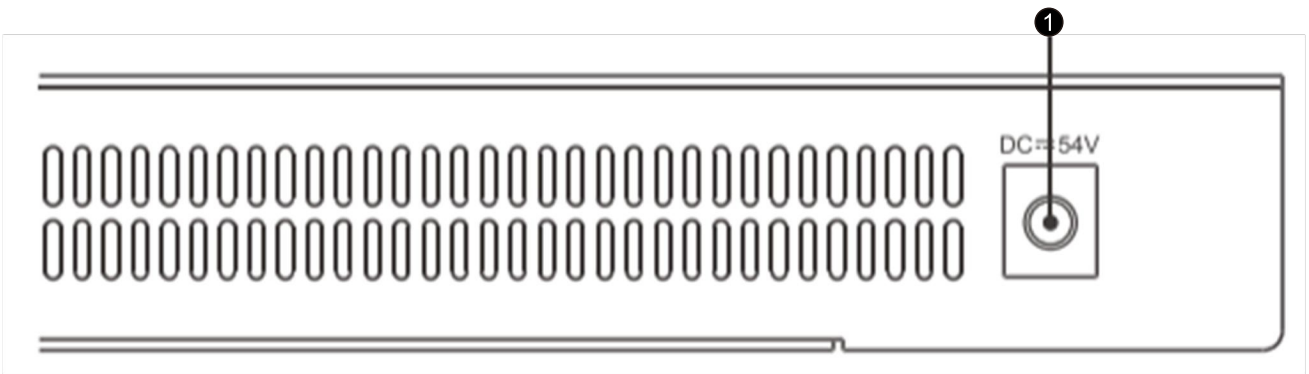
## Ön Panel



- |                            |                                |
|----------------------------|--------------------------------|
| 1. Sistem Durum LED'i      | 4. Ayarlanabilir LAN/WAN Portu |
| 2. Sıfırla (Reset) Düğmesi | 5. WAN Portu                   |
| 3. LAN Portu               | 6. Link/ACT Portu LED'i        |

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Sistem Durum LED'i      | Yeşil renkte hızlı yanıp sönme: Yönlendirici başlatılıyor.<br>Sabit yeşil: Yönlendirici düzgün biçimde çalışıyor.<br>Yeşil renkte yavaş yavaş yanıp sönme 1. Yönlendirici varsayılan fabrika ayarlarına dönüyor. 2. Yönlendirici, yazılımı yükseltiyor.  |
| Sıfırla (Reset) Düğmesi | Yönlendiriciyi yeniden önyüklemek için bu düğmeye 2 saniyeden daha kısa bir süre basın.<br>Yönlendiriciyi varsayılan fabrika ayarlarına döndürmek için sistem LED'i sürekli yanana kadar 5 saniyeden daha uzun süre bu düğmeye basın. (Sıfırla düğmesine 2 saniye ila 3 saniye basarsanız aygıt yanıt vermez). Aygıt varsayılan fabrika ayarlarına döndükten sonra varsayılan yönetim adresi <a href="http://192.168.110.1">http://192.168.110.1</a> 'dir (Varsayılan olarak parola yoktur). |

## Arka Panel



1. DC Giriş Yuvası



# Özellikler

|  |   |                                    |
|--|---|------------------------------------|
| <b>Model</b>                               | <b>RG-EG305GH-P-E</b>   |                                    |
| Port Standartları                          | IEEE 802.3, IEEE 802.3u, IEEE 802.3x, IEEE 802.3z, IEEE 802.3af, IEEE 802.3at   |                                    |
| Portlar                                    | Beş adet 10/100/1000Base-T portu, 4 adede kadar WAN portu.<br>(Varsayılan: 1 WAN portu ve 4 LAN portu. LAN 1, LAN 2 ve LAN 3; WAN portuna geçirilebilir.)   |                                    |
| PoE Gücü                                   | PoE çıkış gücü ≤ 60 W   |                                    |
| Maksimum Güç Tüketimi                      | < 80 W  |                                    |
| Güç Kaynağı                                | Adaptör AC girişi:<br>Nominal gerilim aralığı: 100 V AC ila 240 V AC<br>Maksimum gerilim aralığı: 90 V AC ila 264 V AC<br>Frekans: 50 Hz/60 Hz<br>Anma akımı: 1,5 A   |                                    |
| Adaptör DC Konektör Özellikleri            | Dış çap: 5,5 mm (0,22 inç)<br>İç çap: 2,1 mm (0,08 inç)<br>Derinlik: 10,0 mm (0,39 inç) ± 0,3 mm (0,01 inç)<br>Polarite sembolü: Çıkış yuvasının merkezi (uç) pozitif (+) ve çıkışın iç kısmı (halka) negatiftir (-). |                                    |
| Boyutlar (Genişlik x Derinlik x Yükseklik) | 202 mm x 109,5 mm x 28 mm (7,95 inç x 4,31 inç x 1,10 inç, panel ile)<br>202 mm x 108 mm x 28 mm (7,95 inç x 4,25 inç x 1,10 inç, panelsiz)   |                                    |
| Çalışma Ortamı                             | Çalışma Sıcaklığı   | 0°C ila 40°C (32°F ila 104°F)      |
|  | Çalışma Nem Koşulları   | %10 ila %90 Bağıl Nem (yoğuşmasız) |
| Depolama Ortamı                            | Depolama Sıcaklığı  | -40°C ila 70°C (-40°F ila 158°F)   |
|  | Depolama Nem Koşulları  | %5 ila %95 Bağıl Nem (yoğuşmasız)  |

CE Uyarısı: Aygıt, canlı ortamda radyo girişimine sebep olabilir.